

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 11/2023/DS-PT
Ngày: 02- 01- 2023
V/v Tranh chấp tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu**

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Đình Đức

Bà Lê Thị Ngọc Hương.

***Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thanh Thảo Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông Nguyễn
Nam Hưng** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023 và ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Phòng xử án
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A N, phường B, Quận A, Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2023/TLPT-DS,
ngày 24 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp tuyên bố văn bản công chứng vô
hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 258/2023/DS-ST ngày 20-7-2023 của Tòa án
nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5666/2023/QĐ-PT ngày
30/11/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1948;

2.2. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1941.

Cùng địa chỉ: C H, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T và ông Q ủy quyền bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 - Đại diện.

Địa chỉ: OP2. 20.6, 130 - A Hồ N, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí
Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1946;

2.2. Ông Trần Kinh V, sinh năm 1941;

Cùng địa chỉ: A Đường số B (số cũ: 1 N), Phường C, quận G, Thành phố Hồ
Chí Minh.

Ủy quyền bà Trần Thị Tường V1, sinh năm 1971 - Đại diện (Có mặt).

Địa chỉ: A Đường số B, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Bà Trần Phương T1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: A Đường số B (số cũ: 1 N), Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng Công chứng Nguyễn Hồng H1.

Địa chỉ: D N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Hồng H1.

4. Người kháng cáo: Bị đơn - Bà Huỳnh Thị N, ông Trần Kinh V và bà Trần Phương T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, sự việc được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2021 và các biên bản làm việc tại Tòa, nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào Bản án phúc thẩm số: 453/2020/DS-PT ngày 22-9-2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử: “Buộc bà Huỳnh Thị N, ông Trần Kinh V phải trả cho bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Văn Q nợ gốc 499.000.000 đồng và lãi 633.026.750 đồng, tổng cộng 1.132.026.750 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.”. Nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành Bản án nêu trên tại Cơ quan Thi hành án. Ngày 15/4/2021, nguyên đơn nhận được thông báo số: 7524/TB-THADS của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: “Tài sản duy nhất để có thể thực hiện việc thi hành án thuộc quyền sở hữu của bà Huỳnh Thị N, ông Trần Kinh V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số CS04567 ngày 30/12/2015 đã được tặng cho bà Trần Phương T1 theo hợp đồng công chứng số 009371 ngày 19/12/2017 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hồng H1 và tài sản được cập nhật biến động sang tên bà T1 ngày 30/11/2020. Theo Cơ quan Thi hành án: “Việc giao dịch tặng cho nhà đất này của ông V, bà N là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án” nên hướng dẫn nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch tặng cho nêu trên là vô hiệu. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở ngày 19/12/2017, số công chứng 009371, Quyền số: 12TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hồng H1, giữa bà N, ông V và bà T1. Hủy phần cập nhật biến động sang tên bà T1 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS04567 ngày 30/12/2015.

Bị đơn bà Huỳnh Thị N, ông Trần Kinh V ủy quyền bà Trần Thị Tường VI trình bày: Bà N, ông V và bà T1 ký hợp đồng công chứng tặng cho quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở ngày 19/12/2017, số công chứng 009371, Quyền số: 12TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C trước khi Tòa án ban hành Bản án sơ thẩm ngày 23/5/2019, Bản án phúc thẩm ngày 22/9/2020. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho vô hiệu và hủy phần cập nhật sang tên tài sản là không có cơ sở. Bị đơn không có việc tẩu tán tài sản, vì tại thời điểm ký hợp đồng không

có bất cứ văn bản nào ngăn chặn việc giao dịch. Vì vậy, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà N và ông V không yêu cầu xem xét hậu quả pháp lý của hợp đồng tặng cho nhà nêu trên khi vô hiệu.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/6/2023, bị đơn bà N, ông V cung cấp chứng cứ, gồm: 04 Biên lai thu tiền của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn bà T1 có cùng lời trình bày của bà N. Do hợp đồng tặng cho hợp pháp nên yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà không yêu cầu xem xét hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng Nguyễn Hồng HI trình bày: Ngày 19/12/2017, Phòng công chứng có tiếp nhận yêu cầu công chứng của bà N, ông V và bà T1, về việc công chứng hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất địa chỉ số A đường số B, phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Phòng công chứng kiểm tra hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện tiếp nhận và thực hiện công chứng, tài sản giao dịch không bị ngăn chặn theo kết quả tra cứu lúc 15 giờ 20 ngày 19/12/2017. Do đó, Phòng công chứng tiến hành công chứng hợp đồng, các bên giao dịch có mặt đầy đủ tại trụ sở Văn phòng công chứng, đã đọc, kiểm tra, hiểu rõ, đồng ý nội dung của hợp đồng và lặn tay, ký tên vào hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 009371 ngày 19/12/2017 là đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 258/2023/DS-ST ngày 20-7-2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Văn Q.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, tại địa chỉ: A đường số B, phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 009371, Quyền số: 12TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C công chứng ngày 19/12/2017, ký kết giữa bà Huỳnh Thị N, ông Trần Kinh V và bà Trần Phương T1 là vô hiệu; Bà Trần Phương T1 phải hoàn trả cho bà Huỳnh Thị N, ông Trần Kinh V toàn bộ quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, tại địa chỉ số A đường số B, phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cùng bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp số CS 04567 ngày 30/12/2015 và các Giấy tờ khác liên quan (nếu có).

Hủy phần thay đổi chủ sở hữu do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận G cập nhật biến động cho bà Trần Phương T1 vào ngày 30/11/2020, nội dung: “Tặng cho: Bà Trần Phương T1, CCCD số: 048181000023; địa chỉ: A đường số B, phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hồ sơ số 053077.TA.002” tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 04567 ngày 30/12/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về Thi hành án.

Ngày 02/8/2023, bị đơn bà Huỳnh Thị N, ông Trần Kinh V và bà Trần Phương T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp vụ án.

Bị đơn bà Huỳnh Thị N, ông Trần Kinh V (đều có bà Trần Thị Tường V1 đại diện theo ủy quyền) và bà Trần Phương T1 thống nhất vẫn giữ kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, tại địa chỉ: A đường số B (số cũ: 1 N), Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đề ngày 19/12/2017 giữa bà N, ông V và bà T1 vô hiệu và buộc bị đơn trả cho nguyên đơn chi phí thẩm định giá 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là không đúng. Ngoài ra, bà T1 kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của bà trong vụ án này là bị đơn là không đúng.

Nguyên đơn bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Văn Q (có bà Nguyễn Thị H đại diện theo ủy quyền) không đồng ý kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng Công chứng Nguyễn Hồng H1 do bà Nguyễn Hồng H1 đại diện theo pháp luật có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu - đề nghị:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà N, ông V và bà T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Văn Q ủy quyền bà Nguyễn Thị H; Bà Huỳnh Thị N và ông Trần Kinh V ủy quyền bà Trần Thị Tường V1, việc ủy quyền này phù hợp với Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Nguyễn Hồng H1 đại diện theo pháp luật của Phòng Công chứng Nguyễn Hồng H1, Thành phố H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn

xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Bị đơn bà Trần Phương T1 kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà là bị đơn trong vụ án là không đúng.

Xét, tại đơn khởi kiện 22/4/2021, nguyên đơn bà T và ông Q khởi kiện bị đơn là bà Huỳnh Thị N, ông Trần Kinh V và bà Trần Phương T1, yêu cầu tuyên hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 009371/HĐ-TCN ngày 19/12/2017, giữa ông V, bà N và bà T1 là vô hiệu; Và hủy phần cấp nhật biến động sang tên bà T1 (Bút lục số 121). Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án này bị đơn là bà N, ông V và bà T1 là đúng theo quy định của pháp luật nên kháng cáo này là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Bị đơn bà Huỳnh Thị N, ông Trần Kinh V và bà Trần Phương T1 kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, tại địa chỉ: A đường số B (số cũ: 1 N), Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đề ngày 19/12/2017 là vô hiệu là không đúng.

[4.1] Hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 19/10/2017, bà T và ông Q khởi kiện bị đơn bà N và ông V tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu bà N và ông V phải trả cho bà T và ông Q, số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và lãi 836.560.000 đồng (T2 trăm ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng). Khi vay tiền, bà N đưa cho nguyên đơn giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số: 2068/2002 ngày 12/8/2002 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông V, bà N đối với căn nhà số A đường số B (số cũ: 111/836 N).

[4.2] Tại Bản án phúc thẩm số: 453/2020/DS-PT ngày 22/9/2020 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử: “Buộc bà N và ông V phải trả cho bà T và ông Q nợ gốc 499.000.000 đồng và lãi 633.026.750 đồng, tổng cộng 1.132.026.750 đồng... và phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án”. (Bút lục số từ 81 -86).

[4.3] Nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thi hành án đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu tại mục [4.2]. Ngày 15/4/2021, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh Thông báo số: 7524/TB-THADS, cho nguyên đơn biết, với nội dung: “... ngày 19/12/2017 ông V và bà N lập hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, đối với căn nhà số A đường số B (số cũ: 1 N), Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà T1... Giao dịch tặng cho nêu trên là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án...”.

[4.4] Theo Công văn số: 11512/CTHADS-NV1 ngày 13/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: "...tính đến ngày 13/7/2023, bị đơn bà N, ông V còn phải thi hành số tiền 289.383.074 đồng".

[4.5] Như vậy, theo phân tích từ mục [4.1]-[4.3] thì bà N và ông V chỉ còn tài sản duy nhất để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ là căn nhà số A đường số B (số cũ: 1 N), Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong thời gian bà T và ông Q khởi kiện thì vợ chồng bà N, ông V lại tặng cho bà T1 (là con của ông V, bà N) căn nhà số A đường số B (số cũ: 111/836 N). Như vậy, vợ chồng ông V, bà N tặng cho căn nhà số A đường số B (số cũ: 111/836 N) cho các con trong khi đó không còn tài sản nào khác để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho bà T và ông Q là hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ với bên thứ ba nên bị vô hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015. Mặt khác, việc bà N yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất, đối với căn nhà số A đường số B (số cũ: 111/836 N), với lý do: Bà N làm mất Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 2068/2002 ngày 12/8/2002 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà N và ông V là không đúng với thực tế. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 009371/HĐ-TCN, giữa bà N, ông V và bà T1, được Phòng C1 chứng thực ngày 19/12/2017 là vô hiệu là có căn cứ. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà N, ông V và bà T1.

[4.6] Ông V, bà N và bà T1 không yêu cầu xem xét hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ngày 19/12/2017 vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Bị đơn bà N, ông V và bà T1 kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn chi phí thẩm định giá căn nhà căn nhà số A đường số B (số cũ: 111/836 N) là không đúng.

Trong quá trình thu thập chứng cứ ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn có tạm nộp chi phí thẩm định giá căn nhà số A đường số B (số cũ: 111/836 N) là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn, phải chịu chi phí thẩm định giá là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo phần này của bà N, ông V và bà T1.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị N, ông Trần Kinh V và bà Trần Phương T1 là không có cơ sở chấp nhận; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[7] Các nội dung khác, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà N và ông V được miễn.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1 nên bà T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

-Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn bà Huỳnh Thị N, ông Trần Kinh V và bà Trần Phương T1.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 258/2023/DS-ST ngày 20-7-2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị N và ông Trần Kinh V được miễn.

Bà Trần Thị T3 chịu 300.00 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà T3 đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số: AA/2023/0012154 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T3 nộp đủ.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận Gò Vấp, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp; TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu